

ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG XỨ ĐẠO GỐC BẮC Ở ĐỒNG NAI (TRƯỜNG HỢP GIÁO XỨ TÂN MAI)

PHẠM THỊ BÍCH HÀNG^(*)

1. Yếu tố tự nhiên và cơ cấu tín đồ

Giáo xứ Tân Mai tọa lạc trên một quả đồi thấp, phía Tây Nam của giáo xứ xuôi dần xuống bờ sông Đồng Nai. Do đó, địa hình nhìn chung tương đối cao và bằng phẳng, ít bị ảnh hưởng bởi lũ lụt khi thủy triều dâng.

Hiện nay, giáo xứ Tân Mai thuộc về phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, nằm cách trung tâm TP. Biên Hòa khoảng 3km về phía Đông Nam. Nhà thờ giáo xứ nằm trên đường Phạm Văn Thuận (quốc lộ 15 cũ). Phường Tân Mai theo bản đồ vệ tinh, phía Bắc giáp phường Tân Tiến, phía Nam giáp sông Đồng Nai (bên kia sông là xã Hiệp Hòa), phía Đông giáp phường Tân Hiệp và phường Tam Hiệp. Phường Tân Mai được chia thành 6 khu phố, nhà thờ Tân Mai thuộc khu phố 5.

Nhóm giáo dân của giáo xứ di cư từ Bắc vào Nam năm 1954 chính là những người tiên khởi hình thành giáo xứ Tân Mai và giáo xứ đã tồn tại cho đến ngày nay⁽¹⁾. Khi di dân đến đây, số lượng giáo dân khoảng 1.000 người chiếm 95% dân số của xã Bù Tiêng (địa danh trước năm 1975). Hiện nay, số giáo dân là 14.000

người, chiếm 80% dân số phường Tân Mai (địa danh sau năm 1975).

2. Quá trình hình thành giáo xứ

Sau khi Hiệp định Genève được kí kết ngày 20/7/1954, một số cư dân Miền Bắc rời bỏ làng xóm di cư vào Miền Nam, trong đó có rất đông đồng bào Công giáo. Đời sống của họ lúc đó phần lớn dựa vào sự sắp xếp của Ủy ban di cư ở Miền Nam thiết lập. Trong lược sử của giáo xứ, đầu tiên có một số nữ tu Công giáo thuộc Giáo phận Thái Bình và một nhóm nhỏ giáo dân được đưa đến đây. Vùng đất này khi đó còn hoang vu, ít người qua lại và thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị Tiến, gọi theo giọng Miền Nam là “Tiếng”. Bà tặng 7 ha đất cho Ủy ban di cư mà người đứng đầu là Giám Mục Phêrô Phạm Ngọc Chi. Vị Giám mục đã đưa nhóm di dân đến cư trú và dựng cho họ những chiếc lều bạt để tạm tránh mưa, tránh nắng.

Họ được Ủy ban di cư thiết lập thành trại, những chiếc lều bạt dần dần được thay thế bằng nhà gỗ, mái tôn. Trại Tân

^{*}. ThS. Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai.

1. Sử lược giáo xứ Tân Mai 1954 – 1997.

Mai ra đời cùng với việc thành lập đơn vị hành chính là ấp “Bùi Tiếng” thuộc xã Tam Hiệp. Có hai cách lí giải nguồn gốc tên gọi này, một số người thì cho rằng địa danh này lấy tên của bà chủ hiến đất (Bùi Thị Tiếng); còn một số giáo dân vốn dĩ gắn bó với đất Mẹ Miền Bắc thì cho rằng Bùi Tiếng là tên ghép giữa địa danh “Bùi Chu” (Bùi) đất gốc của cư dân di cư và tên của bà chủ hiến đất (Tiếng). Trong lược sử của giáo xứ Tân Mai thì người ta chọn cách giải thích thứ hai. Khi trại Tân Mai được thành lập vào đầu tháng 8/1954, Giám mục Chi đã cử Linh mục Võ Quốc Ngữ làm Giám đốc trại. Đến ngày 22/8/1954, Chủ tịch Ủy ban di cư chính thức bổ nhiệm Linh mục Nguyễn Khang Hy về làm Giám đốc trại thay cho Linh mục Võ Quốc Ngữ. Khi nhận phụ trách trại di cư này, Linh mục Hy đã từng bước ổn định chỗ ở cho người dân và xây dựng giáo xứ. Ngày bổ nhiệm giám đốc mới cũng được xem là ngày thành lập giáo xứ, linh mục giám đốc trại di cư được chuẩn nhận là linh mục chánh xứ tiên khởi.

Theo niên lịch phụng vụ của Công giáo, thì ngày 22/8 hằng năm là ngày Kính Trái Tim vẹn sạch Đức Maria (gọi tắt là lễ kính Trái Tim Đức Mẹ). Do đó, khi giáo xứ Tân Mai được thành lập vào ngày này, giáo xứ cũng đã chọn Đức Mẹ làm bốn mạng giáo xứ, và lấy ngày 22/8 hằng năm mừng lễ bốn mạng.

Từ năm 1954 – 1963, Linh mục Nguyễn Khang Hy và Ban hành giáo với sự giúp đỡ của của chính quyền đã tiến hành quy hoạch cho khu vực này.

Giai đoạn 1963 - 1975, tuy đã được quy hoạch và ổn định chỗ ở để có thể xem là

“an cư”, nhưng cuộc sống chưa thể coi là “lạc nghiệp” thì cuộc chiến tranh tiếp diễn, những đồn lính Mỹ xuất hiện đóng trú tại Long Bình và có nhiều người dân đến đồn lính Mỹ để làm việc. Họ có thêm thu nhập, thậm chí còn là nguồn thu nhập chính của phần lớn các gia đình ở đây, nhưng mặt khác họ cũng phải hứng chịu những hiểm họa đe dọa cuộc sống. Cuộc chiến Tết Mậu Thân năm 1968 đã làm nhiều nơi lâm cảnh màn trời chiếu đất, nhưng Tân Mai đã may mắn thoát được. Cũng vào năm này thì ấp Bùi Tiếng thuộc xã Tam Hiệp chính thức tách ra và trở thành xã Bùi Tiếng.

Đến ngày giải phóng năm 1975, đời sống kinh tế của người dân vô cùng khó khăn, những gia đình có thu nhập chủ yếu từ công việc ở sở Mỹ thì nay không biết làm gì để tìm kiếm lương thực.

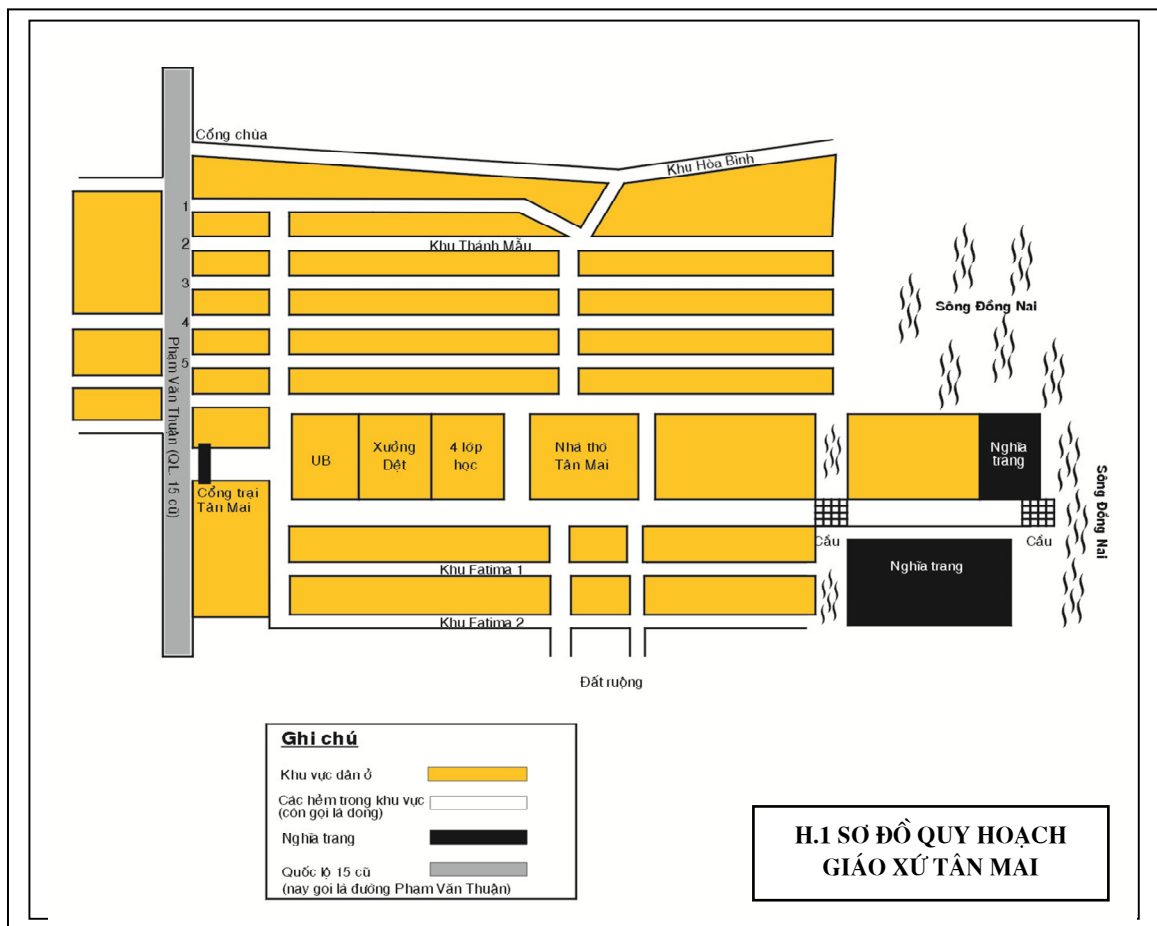
May sao có sự ra đời của các hợp tác xã Tân Hòa, Tân Tiến, Tân Lực, Tân Mai... đã tạo công ăn việc làm cho người dân. Tuy nhiên trong giai đoạn từ năm 1975 – 1990, những sinh hoạt tôn giáo gần như chỉ đóng khung trong việc cử hành Thánh lễ hằng ngày, Thánh lễ ngày Chủ nhật. Những dịp lễ hội tổ chức gói gọn trong hai lễ lớn là Giáng sinh và Phục sinh nhưng cũng không có gì khởi sắc.

3. Việc quy hoạch giáo xứ Tân Mai

Nhà thờ giáo xứ được xây dựng ở vị trí tâm điểm của vùng trung tâm, tức là ngay trên đỉnh đồi, xung quanh nhà thờ (trừ mặt trước) được phân lô cho người dân không phân biệt lương hay giáo. Việc phân lô được quy hoạch theo những con đường vuông góc với nhau, mỗi nhà rộng từ 5 - 8m tùy vào số nhân khẩu của từng gia đình, nhưng chiều dài bằng

nhau (17m), hai nhà đầu lưng vào nhau để mặt trước nhìn ra đường (hẻm) và hình thành các dãy nhà dân song song với nhau, con đường hẻm giữa hai dãy nhà theo ngôn ngữ địa phương gọi là “*dong*” được quy hoạch theo kiểu bàn cờ, để từ bất kì vị trí nào cũng có thể dễ dàng đi đến nhà thờ. Việc quy hoạch này được hình thành vào đầu năm 1955.

Phía trước nhà thờ dành để xây bốn lớp học phổ cập giáo dục cho trẻ em di dân. Cổng trại cũng được xây dựng giáp với đường quốc lộ. Đến năm 1960, một xưởng dệt được xây dựng ngay cổng trại, giáp với những phòng học được xây dựng trước đó và một trụ sở hành chính.



Cuối năm 1954, chợ Tân Mai được hình thành để buôn bán trao đổi hàng tiêu dùng, rau củ quả cũng như những vật nuôi. Chợ thuộc khu vực trung tâm của trại nhưng cách khá xa nhà thờ về phía Nam và giáp với đường quốc lộ.

Theo con hẻm bên hông nhà thờ đi thẳng ra sau về phía Bắc cách khoảng 300m qua một con suối là nghĩa trang giáo xứ. Đây là mô hình nghĩa trang tập trung khác hẳn với thói quen chôn cất người chết của cư dân Nam Bộ. Thông thường, người Nam Bộ thường chôn cất

người thân ngay trong phạm vi nơi cư trú của mình.

Việc quy hoạch nghĩa trang tập trung có vai trò quan trọng đối với người Công giáo. Bởi vì, khi tập trung vào nghĩa trang chung sẽ thuận lợi cho việc cử hành những nghi lễ cho người qua đời, thuận tiện cho việc chăm sóc mộ mả tổ tiên tạo nên vẻ mỹ quan cho khu dân cư, nếu gia đình ai đó có di dời di nơi khác thì họ cũng không cần phải di dời mộ mả ông bà và cũng không sợ bị thất lạc nếu gia đình có đi xa lâu năm.

Trong quá trình giáo xứ Tân Mai được thành lập và phát triển, người dày công kiến tạo và được giáo dân ghi nhớ công đức là Linh mục Nguyễn Khang Hy (Chánh xứ từ năm 1954 – 1976) và Linh mục Đinh Minh Diệm (Phó xứ từ 1955 – 1976; Chánh xứ từ 1976 – 1997). Đây là hai vị linh mục được giáo dân nhắc đến nhiều nhất với lòng kính trọng và biết ơn.

Từ năm 1990 đến nay, những tổ chức Công giáo phát triển nhiều hơn, nhờ vào sự cải cách chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

4. Tính cộng đồng và tính tự trị thể hiện trong tổ chức đời sống của xứ đạo

4.1 Tính cộng đồng

Trong giai đoạn đầu, những vị lãnh đạo giáo xứ Tân Mai đã tổ chức giáo xứ theo cơ chế làng xã, người dân sống quần tụ với nhau trong trại chưa có thói quen cư trú gần đường quốc lộ. Những gia đình họ hàng thường ở gần nhau để có thể dễ dàng đùm bọc nhau và luôn tạo được không khí gia đình dòng tộc. Các gia đình sống liên kết và quây quần với nhau xung quanh nhà thờ theo thói quen làng xóm cổ truyền của người Việt.

Bên cạnh đó, những người trước đây cùng làng hay cùng ngành nghề cũng chọn sống gần nhau để dễ dàng trao đổi nghề nghiệp và duy trì được những ngành nghề truyền thống. Biểu tượng của tính cộng đồng trong giáo xứ Tân Mai là nhà thờ, giếng nước, sân trước của các gia đình.

Nhà thờ có vai trò như đình làng, nó được xây dựng ở vị trí trung tâm của trại, mặt tiền hướng về phía Nam, hai bên hông nhà thờ là hai dong hướng thẳng ra sông nhằm thuận tiện cho việc thoát nước và đón gió mát từ sông thổi vào. Nhà thờ là nơi tổ chức những nghi lễ tôn giáo và cũng là nơi diễn ra những cuộc hội hè lớn, bên cạnh nhà thờ còn có những hội quán để các hội đoàn có thể sinh hoạt, hội họp, hay những người dân trong xứ khi muốn tổ chức tiệc cưới cũng có thể sử dụng. Do đó, nhà thờ Tân Mai có vị trí và vai trò không khác gì đình làng của người Việt xưa.

Nếu trong sinh hoạt làng xã cổ truyền thì giếng nước chung của làng được xem là nơi gặp gỡ của chị em phụ nữ, và cũng là biểu tượng của tính cộng đồng làng thì ở giáo xứ Tân Mai, mỗi dong cũng có ba giếng chung gọi là giếng chính phủ, những giếng này cách đều nhau khoảng 300m để mọi người dễ dàng sử dụng. Người ta có thể đến giếng gánh nước về sinh hoạt hay các chị em phụ nữ thực hiện việc giặt giũ ngay tại chỗ. Do đó, quanh giếng hình thành không gian giao lưu của các bà nội trợ vào buổi sáng và buổi chiều. Riêng buổi chiều thì giếng còn là nơi tắm rửa và nô đùa của trẻ em trong dong.

Biểu tượng tính cộng đồng của giáo xứ Tân Mai còn được thể hiện ở sân trước của các ngôi nhà. Tuy được quy hoạch

theo kiểu bàn cờ mang dáng dấp văn hóa Phương Tây, thể hiện ở việc phân lô các ngôi nhà theo chiều dọc (rộng 5-8m; dài 17m) chứ không theo kiểu nhà truyền thống của người Việt theo chiều ngang (ba gian); những ngôi nhà liên kề nhau cũng không tách bạch ngăn cách nhau bằng bức tường cao. Họ cũng xây tường ngăn giữa hai nhà, nhưng bức tường chỉ cao khoảng 1m vừa là ranh giới giữa hai gia đình nhưng cũng là nơi để ngồi chơi nói chuyện vào mỗi buổi chiều. Chính cách quy hoạch phân lô của giáo xứ theo kiểu bàn cờ giúp cho người dân có được cảm giác sống trong một không gian hẹp, được quây quần với nhau, tạo

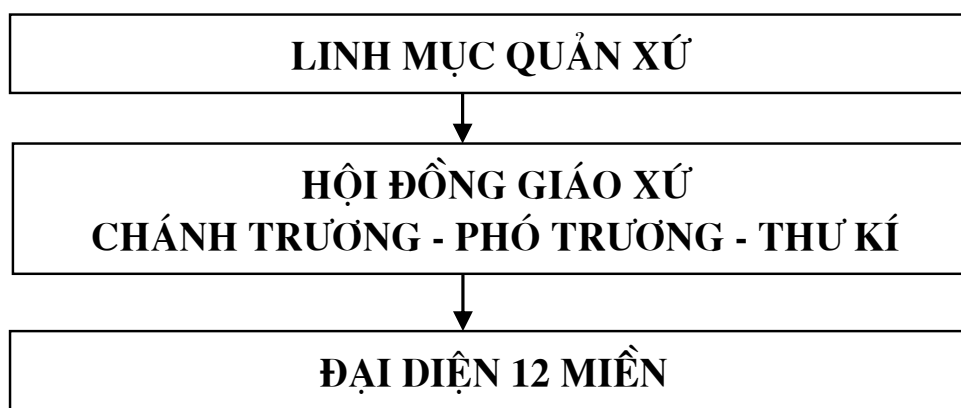
ra không gian làng xã và giúp họ duy trì được nếp sinh hoạt cộng đồng quen thuộc. Từ đó, họ không còn cảm thấy xa lạ khi sống trong môi trường mới.

4.2 Tính tự trị

Từ khi lập xứ cho đến năm 1980, giáo xứ có một cách thức tổ chức riêng. Bởi thời gian này, vì lí do thời cuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam chưa được tổ chức chặt chẽ như hiện nay.

Giáo dân của 12 làng xã hình thành 12 miền trong giáo xứ và linh mục quản xứ cũng điều hành giáo xứ theo cơ chế này.

Có thể hình dung mô hình tổ chức của xứ Tân Mai trước năm 1980 như sau:



Tuy đã được tổ chức lại thành một xứ đạo, nhưng do người dân vốn dĩ xuất thân từ 12 làng khác nhau. Cho nên, linh mục quản xứ đã biết tôn trọng tính khác biệt này và dành cho họ một không gian tự quản nhất định.

Theo lược sử giáo xứ, cư dân 12 làng này hình thành nên 12 miền (còn gọi là 12 hội đồng hương), đó là: Miền Phú Nhai; Miền Bùi Chu; Miền Ninh Cường; Miền Quần Phương; Miền Tương Nam;

Miền Báo Đáp; Miền Hai Giáp; Miền Liễu Đề; Miền Tứ Trùng; Miền Quất Lâm; Miền Ngọc Châu; Miền Lê Xá.

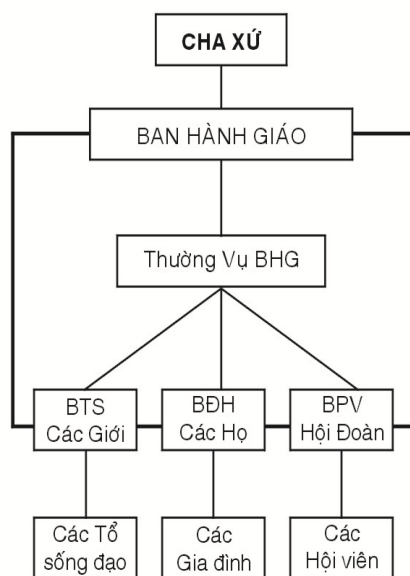
Những miền này sẽ tự bầu chọn một vị Trưởng miền, một Phó miền và một thư kí. Khi trong miền có người cần chứng hôn hay rửa tội hoặc qua đời thì trưởng miền có trách nhiệm viết giấy giới thiệu gửi cho linh mục quản xứ. Điều đó cũng lí giải tại sao trong suốt thời gian đầu, giáo xứ Tân Mai không có

sổ sách nhân danh mà do các miền tự quản lí.

Mỗi miền cũng chọn một ngày giỗ Tổ (thường là ngày kính Thánh Bốn mạng của miền) để hội họp đồng hương. Ngày giỗ Tổ này có thể hình dung giống như ngày lễ kính Thành hoàng làng, nhưng được tổ chức theo nghi lễ Công giáo và vị bốn mạng là một vị thánh gần gũi với làng quê gốc. Trong ngày lễ này, họ cũng mời những người cùng làng quê gốc dù không cư trú ở trong giáo xứ đến tham dự. Tuy nhiên, họ không mời những người không cùng làng, dù có quen biết thân thiết, dù cùng sống trong giáo xứ đến dự. Bởi vì, ngày giỗ Tổ được xem là ngày lễ mang tính nội bộ.

Đến năm 1980, tổ chức giáo xứ được quy định lại theo mô hình chung mà giáo phận đưa ra như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC GIÁO XỨ TÂN MAI
Theo Quy định chung của Giáo phận



Với hình thức khu họ, thì giáo xứ đã phân chia giáo dân lại thành 23 khu họ,

trong khu họ cũng có trưởng khu, phó khu và thư kí, đó là Ban Thường vụ khu họ được Giáo phận thừa nhận bằng văn bản và phụ trách theo từng nhiệm kì cùng với Ban Thường vụ Hội Đồng giáo xứ. Tổ chức khu họ này thay cho tổ chức theo miền của xứ Tân Mai trước đó.

Tuy nhiên, với việc tổ chức làng xã cổ truyền vừa đơn giản vừa hiệu quả của người Việt, thì trong nội bộ giáo xứ đã tự đặt ra những liên khu, mỗi liên khu có tên Thánh cụ thể, có trưởng ban và phó ban, nhưng những vị này không nằm trong cơ cấu tổ chức chính thức, mà họ chỉ có vai trò trung gian giữa Ban Thường vụ giáo xứ và các khu họ. Nghĩa là mỗi khi có những sinh hoạt cần thông báo, Ban Thường vụ giáo xứ chỉ cần thông báo cho 7 vị trưởng liên khu (thay vì là thông báo cho 23 vị trưởng khu) và những vị này có nhiệm vụ truyền đạt lại cho các khu họ trong liên khu của mình.

Biểu tượng cho tính tự trị của giáo xứ Tân Mai là cổng trại. Đây là cũng là một đặc điểm mang tính chất văn hóa làng xã. Cổng trại được dựng lên ngay khi thiết lập trại, đến năm 1968, thì được ông Đinh Ngọc Trinh (tên thường gọi là ông Cử - hiện ông vẫn còn sống trong giáo xứ) vẽ lại phỏng theo hình con thuyền. Theo cách giải thích của một số giáo dân thì chiếc cổng mang hình dáng con thuyền chính là biểu tượng “con thuyền Hội Thánh”. Tuy nhiên, trong văn hóa truyền thống của người Việt thì con thuyền đã từng là nơi cư trú và là phương tiện di lại của họ thời sơ sử cũng như thời Đại Việt. Do đó, khi người Việt cư trú trên đất, họ đã dựng nhà theo hình mẫu có mái cong hình thuyền để ở, hoặc

mái vòm hình mũi thuyền để làm nhà kho hoặc nơi hội họp. Như thế, thuyền cũng chính là một nét văn hóa truyền thống của người Việt.

Nếu như làng cổ truyền của người Việt có cổng làng, thì tại xứ đạo Tân Mai có cổng trại Tân Mai, người di dân có cảm giác đang sống trong không gian làng xã truyền thống.

5. Những ưu điểm và hạn chế trong việc bảo lưu những giá trị truyền thống ở xứ đạo Tân Mai

Trong văn hóa truyền thống của làng xã người Việt, tính cộng đồng và tính tự trị đã tạo nên những ưu điểm của một loại hình tổ chức đặc thù của người Việt nhưng bên cạnh đó cũng tồn tại những hạn chế:

	TÍNH CỘNG ĐỒNG	TÍNH TỰ TRỊ
ƯU ĐIỂM	- Đồng nhất - Đoàn kết, tương trợ - Bình đẳng, dân chủ	- Phát huy tính cần cù - Tự túc tự cấp - Tính tôn ti
HẠN CHẾ	- Thủ tiêu ý thức cá nhân - Dựa dẫm, ỷ lại - Cào bằng, đổ kị	- Óc tư hữu - Óc bè phái, địa phương - Tính gia trưởng

Trong giáo xứ Tân Mai, cộng đồng giáo dân khá gắn kết với nhau, nhất là những hội đồng hương luôn hội tụ với nhau và tồn tại cho đến ngày nay. Thậm chí khi việc đi lại hiện nay dễ dàng hơn trước, họ đã tận dụng thuận lợi này để góp tiền về xây dựng làng quê cũ mà hội đồng hương Phú Nhai là một điển hình. Giáo xứ Phú Nhai ở Miền Bắc luôn là niềm tự hào của họ. Bởi vì: “Cha Phú

Nhai như khoai ba hàng”, nghĩa là giáo xứ này đã sản sinh rất nhiều linh mục, là đất “con ông cháu cha”, là nơi có nề nếp và quy củ. Do đó, ở giáo xứ Tân Mai, giáo dân Miền Phú Nhai thường sống gần nhà thờ và tham gia vào hầu hết các hoạt động của giáo xứ. Người ta không thể phủ nhận những đóng góp cho giáo xứ của giáo dân miền này, nhưng tư tưởng bè phái địa phương cũng theo đó mà phát triển. Dưới thời Linh mục Đinh Minh Diệm, chỉ có những con em Miền Phú Nhai mới được tham gia hội giúp lễ. Hay cũng trong giai đoạn chưa có những quy định chặt chẽ được Giáo phận ban hành thì Ban Thường vụ Hội đồng giáo xứ (còn gọi là Ban hành giáo) cũng do linh mục chọn, ít mang tính dân chủ, vị linh mục quản xứ thích chọn những người đồng hương của mình để phụ giúp trong việc điều hành giáo xứ.

Ở địa phương này hình thành một thuật ngữ “dân Tân Mai” và trở thành niềm tự hào của người dân vùng này. Vì họ đã kiến tạo được những thành quả hơn nhiều nơi khác. Điển hình như dịp mừng lễ Noel, Tân Mai đã từng được mệnh danh là “thành Belem” bởi những kiểu cách hang đá đa dạng và khởi sắc, những ông già Noel câu cá, quay phim... được thực hiện trong tất cả các khu họ và thu hút rất đông người từ các nơi kể cả Thành phố Hồ Chí Minh về xem. Họ luôn tự hào là một giáo xứ có quy củ, có nề nếp. Và nơi đây đời sống kinh tế của người dân cũng khá cao.

Trong tổ chức giáo xứ, linh mục được xem như một vị cha của cả giáo xứ và họ rất coi trọng tính tôn ti đối với linh mục cũng như những vị được linh mục chọn

vào Ban hành giáo. Điều đó giúp cho giáo xứ ổn định hơn, trật tự hơn. Đồng thời tính đồng nhất cũng được đề cao thể hiện rõ nhất trong việc tuân thủ các quy định chung trong giáo xứ. Mọi thành phần đều phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định này. Từ đó, đã tạo nên một truyền thống rất chặt chẽ.

Điển hình như trang phục của giáo dân trong các dịp lễ thường được quy định nghiêm ngặt. Giáo dân phải ăn mặc lịch sự. Nữ trang phục áo dài và nam trang phục áo sơ mi và quần tây khi tham dự Thánh lễ. Trước năm 1975, hiếm khi gặp giáo dân ăn mặc không theo khuôn khổ này. Trong các dịp lễ lớn, thì người ta lại quy định trang phục theo đoàn hội, mỗi đoàn hội có một màu nhất định và người không ăn mặc đúng màu cũng đồng nghĩa với việc tự loại mình ra khỏi cộng đoàn.

Tính đồng nhất còn thể hiện trong việc xây dựng nghĩa trang, xây mộ theo một khuôn mẫu nhất định và do một đơn vị được chỉ định phụ trách và mọi người đều phải tuân thủ quy định chung. Điều tạo nên sự nền nếp của giáo xứ nhưng cũng tạo nên hạn chế là ý thức cá nhân không thể phát huy ở vùng đất này.

Lời kết

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, việc bảo lưu những giá trị văn hóa truyền thống riêng ở mỗi quốc gia là điều vô cùng khó khăn, mà Việt Nam cũng không ngoại lệ. Ngoài hai cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954 và 1975 thì tính đến nay vẫn có rất nhiều người di thực từ Bắc vào Nam tập trung ở các thành phố hay các tỉnh đang phát triển.

Tuy nhiên, họ vào Nam không ngoài mục đích tìm kiếm việc làm, sống rải rác và xen lẫn với người dân Nam Bộ, nên việc hình thành những cộng đồng cư trú riêng và giữ lại những bản sắc của làng quê gốc như các giáo xứ gốc Bắc trước đây là rất khó.

Do đó, một điều không thể phủ nhận là những giáo xứ gốc Bắc ở Đồng Nai là nơi bảo lưu tốt nhất những giá trị làng xã của người Việt. Bởi vì họ đến Miền Nam định cư khi văn hóa Phương Tây chưa “đặt chân” đến vùng đất này. Tuy việc bảo lưu những giá trị truyền thống làng xã của người Việt có những điểm hạn chế nhất định, nhưng giá trị truyền thống ấy vẫn là những chuẩn mực tích cực cho việc hội nhập văn hóa, hội nhập mà không hòa tan, linh hoạt nhưng không tùy tiện, giữ gìn được giá trị gia đình, biết tôn trọng cộng đồng... thế hệ trẻ được giáo dục trong những giá trị truyền thống, họ sẽ ít bị lôi cuốn vào vật chất thực dụng đến mức đánh mất bản thân.

Với những cách thức tổ chức vừa dung hòa giữa giá trị văn hóa truyền thống và văn hóa Phương Tây của các xứ đạo gốc Bắc ở Đồng Nai đã tạo nên những tiền đề tích cực trong việc bảo lưu những giá trị truyền thống của người Việt, cần được giữ gìn và trân trọng, cần được quan tâm hơn nữa để những cộng đồng này có thể phát huy những điểm tích cực và hạn chế dần những điểm yếu nhằm tạo nên những cộng đồng hạt nhân đúng nghĩa theo phương châm “tốt đời, đẹp đạo”/.